

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Hồng S, sinh năm 1980; thường trú: số I khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà A2, tầng số 25, phòng số 05; số A Chung cư O; đường K, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1980; thường trú: số I khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trương Hồng S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hồng S và bà Lê Thị H tự nguyện yêu nhau, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 cấp ngày 21/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn gia đình căng thẳng nên cuối năm 2019 ông S đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Do chuyển ra ngoài sống đã lâu nên hiện nay ông S cũng đã có tình cảm với người khác không còn tình cảm với bà Lê Thị H.

Nhận thấy, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trương Hồng S yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Lê Thực L, sinh ngày 31/3/2006 và Trương Lê Bảo N, sinh ngày 23/6/2012. Do thời gian vợ chồng sống ly thân 02 con chung sống chung với mẹ nên sau khi ly hôn ông Trương Hồng S đồng ý giao cả hai con chung cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng còn ông Trương Hồng S tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con (mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng bà H trình bày: Bà H thống nhất với ông Trương Hồng S về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, bà H xác định mặc dù bà biết ông S đã có tình cảm với người khác nhưng bà vẫn bỏ qua, vẫn còn yêu thương chồng con và không muốn gia đình đổ vỡ. Vì vậy, bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của ông S, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Lê Thực L, sinh ngày 31/3/2006 và Trương Lê Bảo N, sinh ngày 23/6/2012. Hai cháu Trương Lê Thực L và Trương Lê Bảo N từ trước đến nay đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông S và giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn thì bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trương Lê Thực L, sinh ngày 31/3/2006 và Trương Lê Bảo N, sinh ngày 23/6/2012 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung của ông Trương Hồng S mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con (mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 16/10/2023 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa ông Trương Hồng S và bà Lê Thị H tại Hội liên phụ nữ phường Đ và được cung cấp thông tin như sau: Bà Lê Thị H không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, ông S, bà H cũng không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội liên phụ nữ phường Đ cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa ông Trương Hồng S và bà Lê Thị H. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Trương Hồng S và bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: ông Trương Hồng S và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn theo Giấy nhận kết hôn số 16 do UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 21/02/2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà H là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Mặc dù bà H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn yêu thương chồng con, nhưng ông S xác định không còn tình cảm với bà H và hiện nay đã có tình cảm với người khác và ông S cũng đã không còn sống chung với bà H từ cuối năm 2019 đến nay.

Xét thấy; để xây dựng gia đình hạnh phúc vợ chồng phải thực sự yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và chung thủy với nhau. Tuy nhiên, ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S đã sống ly thân với bà H từ cuối năm 2019 đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông S yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Trương Hồng S.

[3] Về con chung: Ông Trương Hồng S đồng ý giao 02 con chung là Trương Lê Thục L, sinh ngày 31/3/2006 và Trương Lê Bảo N, sinh ngày 23/6/2012 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng bà Lê Thị H cũng xác nhận trường hợp Tòa án cho vợ chồng ông bà ly hôn thì bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại Bản tự khai ngày 14/12/2023 hai cháu Trương Lê Thục L và Trương Lê Bảo N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Ngoài ra, cả hai cháu hiện nay cũng do bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao các cháu Trương Lê Thục L và Trương Lê Bảo N cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Hồng S về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Trương Lê Thục L, sinh ngày 31/3/2006 và Trương Lê Bảo N, sinh ngày 23/6/2012 mỗi tháng 6.000.000 đồng/ 02 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7) Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hồng S phải chịu án phí về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hồng S được ly hôn với bà Lê Thị H (Giấy nhận kết hôn số 16 do UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 21/02/2005).

2. Về con chung: Bà Lê Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Lê Thục L, sinh ngày 31/3/2006 và Trương Lê Bảo N, sinh ngày 23/6/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Hồng S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con (mỗi con mỗi tháng 3.000.000 đồng). Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn bà Lê Thị H và ông Trương Hồng S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hồng S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006882 ngày 06/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Trương Hồng S phải tiếp tục nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

